TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20-4-2021
V/v Ly hôn giữa chị D và anh U.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thơm
2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2021/QĐXX-ST ngày 13 tháng 04 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1986; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1983; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm chị Trần Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào khoảng năm 2015, do quen biết, tìm hiểu, chị Trần Thị D và anh Nguyễn Văn U tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh U không yêu thương, quan tâm chăm sóc vợ, con và thiếu trách nhiệm làm chồng. Chị D đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh U không thay đổi.Từ đó, tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nên chị

D yêu cầu xin được ly hôn với anh U.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 31/10/2016. Hiện Cháu K đang sống chung với anh U. Chị D đồng ý giao cháu K cho anh U tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Khanh 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn Văn U vắng mặt không rõ lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị D và anh Nguyễn Văn U.

Về nuôi con chung: Giao cháu K cho anh U tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu K 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

Về chia tài sản chung; *Nghĩa vụ chung*: Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có phát sinh tranh chấp.

Về án phí Hôn nhân và gia đình: Chị D phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về việc tham gia tố tụng*: Bị đơn anh Nguyễn Văn U vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt anh U.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân của chị D và anh U được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị D và anh U là hợp pháp. Chị D xác định thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng thời gian sau này thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh U không yêu thương, quan tâm chăm sóc vợ con và thiếu trách nhiệm làm chồng nên vợ chồng đã sống ly thân. Thời gian sống ly thân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị D nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng tiến hành hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh U đều vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, chị D cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh U, anh U tiếp tục vắng mặt không rõ lý do. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh U đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị D xin ly hôn với anh U là có cơ sở.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Có 01 con chung: Cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 31/10/2016. Tại phiên tòa, chị D đồng ý giao Cháu K cho anh U tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu K 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi. Đây là sự tự nguyện của đương sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[2.3] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung*:. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị D xác định không có, bị đơn anh U đều vắng mặt không rõ lý do. Tòa án không tiến hành ghi nhận được ý kiến của anh U về tài sản chung, nợ chung. Do đó, cần tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có phát sinh tranh chấp.

[3] *Án phí*: Nguyên đơn chị D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị D và anh Nguyễn Văn U.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 31/10/2016 cho anh U tiếp tục nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu K 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Dành quyền thăm nom con chung cho chị D, không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, chị D không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì anh U có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của chị D.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 và

Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

3. Về chia tài sản chung và *nghĩa vụ chung*: Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có phát sinh tranh chấp.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Trần Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 013555 ngày 12 tháng 01 năm 2021 thành tiền án phí. Buộc chị D phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Án tuyên công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Trung An;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Phụng